

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4- 2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Năng

2/ Ông Ngô Phúc

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Ngô N, sinh năm: 1990 (**Có đơn xin vắng mặt**)

Nơi cư trú: Tổ 27, ấp Hòa L, thị trấn A, huyện C, An Giang.

2. ***Bị đơn:*** Chị Khương Thị Hồng T, sinh năm: 1991 (**Vắng mặt**)

Nơi cư trú: Tổ 27, ấp H, thị trấn A, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 19/2/2021, nguyên đơn anh Ngô N trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Khương Thị Hồng T quen biết, tìm hiểu nhau và cùng thống nhất đi đến hôn nhân vào năm 2011, Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian chung sống với nhau vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2018 có mâu thuẫn nhau, đến ngày 15 tháng 01 năm 2019 thì chị T chuyển ra ngoài nhà trọ sống cho đến nay. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên can nhưng chị T không đồng ý. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Khương Thị Hồng T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên là Ngô Hoàn H, sinh năm: 2011; Ngô Thị Hoàng V, sinh năm: 2014. Hiện cháu H và cháu V đang sống với anh N. Sau ly hôn anh N yêu cầu nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Khương Thị Hồng T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Khương Thị Hồng T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh N. Tòa án cũng tiến hành xác minh lại sự vắng mặt của chị T tại địa phương. Qua xác minh tại địa phương thì chị Thẩm nay hộ khẩu thường trú vẫn ở Tổ 27, ấp Hòa Long 2, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, An Giang, nhưng chị T vắng mặt tại nhà nên không lấy lời khai được.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng. Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đề nghị. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, cho anh N ly hôn với chị T. Về con chung: đề nghị giao hai con cho anh N nuôi dưỡng. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Khương Thị Hồng T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do. Còn anh Ngô N Là có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngô N và chị Khương Thị Hồng T theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô N và chị Khương Thị Hồng T kết hôn với nhau vào năm 2011, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện C, An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn anh N trình bày thời gian đầu chung sống với nhau vợ chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 6 năm 2018 có mâu thuẫn nhau, đến ngày 15 tháng 01 năm 2019 thì chị T chuyển ra ngoài nhà trọ sống cho đến nay. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên can nhưng chị T không đồng ý. Anh và chị T ly thân từ đó cho

đến nay. Xét thấy với thời gian ngắn chung sống hai bên đã phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai không tìm ra biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng dẫn đến vợ chồng ngày càng thêm mâu thuẫn. Trong thời gian ly thân hai bên không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy mời nhưng chị T cũng không đến và cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để có ý kiến về việc xin ly hôn của anh N. Hiện tại anh N xác định không còn tình cảm với chị T. Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh N cũng giữ nguyên phần trình bày trong đơn là anh vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của anh N và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên là Ngô Hoàn H, sinh năm: 2011; Ngô Thị Hoàng V, sinh năm: 2014. Hiện cháu H và cháu V đang sống với anh N. Sau ly hôn anh N yêu cầu nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu H và cháu V từ nhỏ cho đến nay đều sống với anh N và ông bà Nội, được anh N và ông bà Nội chăm sóc ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu, nghĩ nên để anh N được tiếp tục nuôi cháu H và cháu V là phù hợp, chị T không cấp dưỡng nuôi con. Anh N phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi chị thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Anh Ngô N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về án phí: Do yêu cầu của anh Ngô N được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ngô N. Cho ly hôn giữa anh Ngô N và chị Khương Thị Hồng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 126/KH, ngày 20/6/2011 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Ngô Hoàn H, sinh năm: 2011; Ngô Thị Hoàng V, sinh năm: 2014. hiện cháu H và cháu V đang sống với anh N. Sau ly hôn anh N thì được tiếp tục nuôi cháu H và cháu V, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị T được quyền tới lui thăm

nom, chăm sóc các cháu H và cháu V, không ai được cản trở khi chị thực hiện quyền này.

3.Về tài sản và nợ chung: Anh Ngô N trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Ngô N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007212 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.Về kháng cáo: Anh Ngô N và chị Khương Thị Hồng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án (ngày 29/4/2021).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung